

Số: 49/2025/QĐST-KDTM

D, ngày 17 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự đã thật sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 35/2024/TLST - KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2024.

Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 07/2/2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (B)

Địa chỉ: T, A T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến P - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh P1

Theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quyết định số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ về việc ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự.

Người được ủy quyền lại: Ông Cao Văn C - Chức vụ: Giám đốc Phòng G thuộc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh P1

(Theo quyết định ủy quyền số 860/QĐ-BIDV.PD ngày 30/7/2024 của Giám đốc ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh P1).

- Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc S, sinh năm 1868 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1969.

Đều trú tại: Xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ thanh toán: Ông Hoàng Ngọc S và bà Trần Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Đ theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/13620126/HĐTD ngày 06/04/2023 tính đến ngày 07/02/2025 là: 1,683,968,528 đồng (*Một tỷ, sáu trăm tám mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi tám đồng*). Trong đó :

- + Tiền nợ gốc: 1,400,000,000 đồng.
- + Tiền nợ lãi trong hạn: 60,332,911 đồng.
- + Tiền nợ lãi quá hạn: 223,635,616 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 08/2/2025 ông Hoàng Ngọc S và bà Trần Thị T1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 01/2023/13620126/HĐTD ngày 06/04/2023. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, và lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

2.2. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp ông Hoàng Ngọc S và bà Trần Thị Tuyết K thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 47. Địa chỉ thửa đất xóm T, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 653719 do UBND huyện Y cấp ngày 26/12/2013 cho ông Hoàng Ngọc S và bà Trần Thị Tuyết .

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì ông Hoàng Ngọc S và bà Trần Thị T1 tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ.

Khi ông Hoàng Ngọc S và bà Trần Thị Tuyết A trả nợ xong Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, bà T1 theo quy định.

2.3. Án phí: Ngân hàng TMCP Đ và ông Hoàng Ngọc S và bà Trần Thị T1 thỏa thuận ông S, bà T1 phải nộp 31.259.528 đồng (ba mươi một triệu hai trăm năm mươi chín nghìn năm trăm hai mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 28.500.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0011453 ngày 12/6/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND huyện Diên Châu;
- Cơ quan T.H.A.D.S Diên Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bạch Hưng Thành